Người ký: SỞ Y TẾ
Email: syt@tphcm.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thời gian ký: 06.05.2026 11:39:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 978 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT đối với Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc kiện toàn thành viên Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1008/QĐ-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 08393/HCM-GPHĐ ngày 11 tháng 09 năm 2025 do Sở Y tế cấp cho Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2 tại hồ sơ H29.19-260127-180094 ngày 03 tháng 03 năm 2026 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 30 tháng 03 năm 2026 về việc thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2, địa chỉ 235-237 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Thông tư số 23/2024/TT-BYT *(danh mục kỹ thuật kèm theo)*.

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển viện, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2 và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tân Định - cơ sở 2 và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- P.CNTT Sở Y tế, VPS (đăng Cổng Thông tin điện tử SYT);
- Lưu: VT, NVY (PTLD, PLMT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN ĐỊNH - CƠ SỞ 2

(Kèm theo Quyết định số: 978 /QĐ-SYT ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	STT theo TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1.	164	1.164	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thông bàng quang
2.	434	2.32	02. NỘI KHOA	Khí dung thuốc giãn phế quản
3.	5639	6.73	06. TÂM THẦN	Test nhanh phát hiện chất opiat trong nước tiểu
4.	5640	6.74	06. TÂM THẦN	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu
5.	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
6.	6419	8.484	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy
7.	6420	8.485	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi
8.	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
9.	14796	17.66	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập với dụng cụ quay khớp vai
10.	12233	10.1032	10. NGOẠI KHOA	Nẹp bột các loại, không nắn
11.	12475	BS_10.1274	10. NGOẠI KHOA	Thay băng
12.	12476	BS_10.1275	10. NGOẠI KHOA	Cắt chỉ
13.	12477	BS_10.1276	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
14.	14349	16.34	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
15.	14350	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
16.	14510	16.197	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
17.	14511	16.198	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
18.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
19.	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
20.	14514	16.201	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
21.	14515	16.202	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng

STT	STT theo TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
22.	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
23.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
24.	15007	18.23	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng…)
25.	15017	18.33	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
26.	15021	18.37	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler động mạch tử cung
27.	15113	18.129	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)
28.	15133	18.149	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
29.	15134	18.150	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
30.	15137	18.153	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dãy)
31.	15138	18.154	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy)
32.	15139	18.155	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
33.	15140	18.156	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
34.	15141	18.157	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 1-32 dãy)
35.	15142	18.158	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dãy)
36.	15143	18.159	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
37.	15144	18.160	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)
38.	15145	18.161	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy)
39.	15175	18.191	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
40.	15176	18.192	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
41.	15177	18.193	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy)
42.	15180	18.196	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy)
43.	15181	18.197	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy)
44.	15203	18.219	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)

STT	STT theo TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
45.	15204	18.220	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)
46.	15205	18.221	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)
47.	15206	18.222	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)
48.	15207	18.223	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy)
49.	15208	18.224	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dãy)
50.	15209	18.225	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 1-32 dãy)
51.	15211	18.227	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 1-32 dãy)
52.	15212	18.228	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 1-32 dãy)
53.	15213	18.229	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 1-32 dãy)
54.	15214	18.230	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 1-32 dãy)
55.	15239	18.255	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
56.	15240	18.256	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
57.	15241	18.257	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
58.	15242	18.258	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
59.	15243	18.259	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
60.	15244	18.260	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
61.	15245	18.261	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)

STT	STT theo TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
62.	15246	18.262	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
63.	15247	18.263	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 1-32 dãy)
64.	15248	18.264	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)
65.	15249	18.265	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
66.	16569	22.134	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
67.	16782	22.347	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)
68.	17315	23.109	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
69.	17381	23.175	23. HÓA SINH	Định lượng Amylase [niệu]
70.	17394	23.188	23. HÓA SINH	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]
71.	17399	23.193	23. HÓA SINH	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]
72.	17401	23.195	23. HÓA SINH	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]
73.	17434	23.228	23. HÓA SINH	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
74.	17675	24.94	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Streptococcus pyogenes ASO
75.	17679	24.98	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Treponema pallidum test nhanh
76.	17768	24.187	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
77.	17872	24.291	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh

Lưu ý: *Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm phân công nhân sự thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt theo quy định hiện hành./.*